Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9702.10.00

Mã HS	9702.10.00
Mô tả hàng hóa	Nguyên bản các bản khắc, bản in và bản in lytô / - Có tuổi trên 100 năm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 01:05:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/97021000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19033
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19033
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19033
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18298
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18227
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18227
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18227
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18227
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18227
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18227
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18283
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18283
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18283

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18283
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18283
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18283
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18284
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18284
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18284
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18284
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18284
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18284
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18289
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18246
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18241
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18241
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18241
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18241
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18241
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18241
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18289
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18289
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18289
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18289
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18289
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18289
VCFTA	2022	2022	0	VC!D18353
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18353
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18353

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18353
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18353
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18353
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D18327
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E18327
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F18327
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G18327
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H18327
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I18327
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18320
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18320
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18320
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18320
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18320
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18320
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18350
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18350
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18350
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18350
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18350
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18350
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18349
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18349
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18349
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18349
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18349

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18349
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18443
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18443
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18443
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18443
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18443
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18443
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18443
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18314
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18314
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18314
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18314
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18314
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18314
RCEP B	2022	2022	0	B!D18314
RCEP B	2023	2023	0	B!E18314
RCEP B	2024	2024	0	B!F18314
RCEP B	2025	2025	0	B!G18314
RCEP B	2026	2026	0	B!H18314
RCEP B	2027	2027	0	B!I18314
RCEP C	2022	2022	0	C!D18312
RCEP C	2023	2023	0	C!E18312
RCEP C	2024	2024	0	C!F18312
RCEP C	2025	2025	0	C!G18312
RCEP C	2026	2026	0	C!H18312
RCEP C	2027	2027	0	C!I18312

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D18311
RCEP D	2023	2023	0	D!E18311
RCEP D	2024	2024	0	D!F18311
RCEP D	2025	2025	0	D!G18311
RCEP D	2026	2026	0	D!H18311
RCEP D	2027	2027	0	D!I18311
RCEP E	2022	2022	0	E!D18316
RCEP E	2023	2023	0	E!E18316
RCEP E	2024	2024	0	E!F18316
RCEP E	2025	2025	0	E!G18316
RCEP E	2026	2026	0	E!H18316
RCEP E	2027	2027	0	E!I18316
RCEP F	2022	2022	0	F!D18314
RCEP F	2023	2023	0	F!E18314
RCEP F	2024	2024	0	F!F18314
RCEP F	2025	2025	0	F!G18314
RCEP F	2026	2026	0	F!H18314
RCEP F	2027	2027	0	F!I18314
VIFTA	2024	2024	0	VI!F17163
VIFTA	2025	2025	0	VI!G17163
VIFTA	2026	2026	0	VI!H17163
VIFTA	2027	2027	0	VI!I17163

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9702.10.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9702.10.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9702.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9702.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19033), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.